

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 5 - 2021

V/v: *Kiến lý hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai và ông Trần Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Kiến lý hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Gifu-ken Ogaki-shi, Hirui-cho 2039 Mezon Kaoru B-102, Nhật Bản. (có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư Văn phòng luật sư Bảo Công thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ trụ sở chính: Khu 1, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Nguyên đơn ủy quyền cho bà Dương Thị T sinh năm 1971; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H để giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020). (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1998; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Nhật Bản, không rõ địa chỉ. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Nguyễn Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn ngày 26/3/2019 tại UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 01 tháng anh nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không có tình cảm yêu thương lẫn nhau. Nguyên nhân vợ chồng không thể cùng nhau xây dựng tình cảm vợ chồng là do sự khác biệt về cách sống, không có sự gắn kết, chia sẻ và đặc biệt vợ chồng không thể cố gắng yêu nhau như đã từng tưởng tượng trước khi kết hôn. Chị S có nhiều suy nghĩ lệch lạc, có thái độ không đúng mực, hỗn láo với chồng và gia đình nhà chồng, có những lời lẽ, hành vi không phù hợp với vị trí vai trò của người con, người vợ trong gia đình nhà chồng, do đó tình cảm anh dành cho chị S đã hết đi nhanh chóng. Anh và chị S đã được gia đình hai bên khuyên bảo, động viên nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân sau thời gian chung sống ngắn ngủi. Anh xác định không thể tiếp tục đời sống vợ chồng cùng chị S, bố mẹ hai bên đến lúc này cũng đồng ý và tán thành việc anh và chị S tự chấm dứt quan hệ hôn nhân để có thể tự tìm đến hạnh phúc mới.

Hiện nay anh và chị S đều đang cư trú tại Nhật Bản nhưng không ở cùng nhau, anh cũng không biết địa chỉ của chị S. Anh khẳng định chị S vẫn liên hệ với thân nhân của chị và thường xuyên gửi tiền về cho gia đình, anh xác định đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Nay anh xác định anh và chị S đã không còn là vợ chồng trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S.

- Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan C, sinh ngày 08/10/2019, hiện do mẹ đẻ anh là bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng tại Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H bằng nguồn tiền anh gửi về. Anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi cho đến khi cháu trưởng thành, anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện anh đang lao động tại Nhật Bản nên anh đề nghị Tòa án tạm giao cháu Chi cho mẹ đẻ anh là bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, sau này khi trở về Việt Nam anh sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị S:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 26/3/2019. Anh C và chị S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh C và chị S chung sống bên gia đình anh C. Ngày 08/10/2019, vợ chồng chị S sinh cháu Nguyễn Lan C. Sau khi sinh cháu Chi được 05 tháng thì chị S xuất cảnh S Nhật Bản. Khi chị S đến Nhật Bản, anh C không đón chị S nên vợ chồng mỗi người ở

một nơi. Lý do vì sao anh C lại đối xử như vậy với chị S cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì ông bà không nắm được. Ông bà chỉ biết chị S hiện đang sinh sống ở Nhật Bản nhưng không biết địa chỉ cụ thể, chị S có liên lạc với ông bà qua điện thoại nhưng ông bà không lưu số, không có số điện thoại của chị S. Nay anh C xin ly hôn với chị S, ông bà có quan điểm: Do gia đình ông bà theo Đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn, còn việc anh C có Đơn xin ly hôn với chị S thì đó là việc của anh C.

- Về con chung: Chị S và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan C, sinh ngày 08/10/2019. Hiện cháu đang do mẹ anh C nuôi dưỡng, ông Thắng đề nghị Tòa giải quyết trên cơ sở ý kiến của cháu S, cháu C và pháp luật.

** Ý kiến của bà Dương Thị T là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn C:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị S quen và yêu nhau khi cả hai cùng đi lao động tại Nhật Bản. Năm 2019, anh chị về Việt Nam tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình bà tại xã Thanh Hải, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không hạnh phúc và xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì bà không nắm được nhưng bà thấy tính cách anh C và chị S không hợp, hay cãi vã, bất hòa.

Nay anh C làm thủ tục xin ly hôn chị S, anh C ủy quyền cho bà thay mặt anh C giao nộp tài liệu cũng như nhận các thủ tục giấy tờ của Tòa án. Quan điểm của bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật vì bà đã khuyên nhủ anh C, chị S nhiều lần nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm với nhau.

- Về con chung: Anh C và chị S có một con chung là cháu Nguyễn Lan C, sinh ngày 08/10/2019. Cháu Lan Chi được 01 tháng tuổi thì chị S cho con về quê ngoại chơi, đến lúc cháu được 03 tháng thì chị S và cháu Chi về nhà bà sống cùng gia đình bà được khoảng 01 tháng thì chị S để cháu Chi lại cho bà nuôi dưỡng và S Nhật Bản làm việc. Bà nuôi dưỡng cháu Chi từ đó đến nay. Hiện cháu Chi đã được hơn 01 tuổi và phát triển khỏe mạnh. Anh C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Chi cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, anh C cũng ủy quyền cho bà chăm sóc giúp cháu Chi cho đến khi anh về Việt Nam, bà đồng ý nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Chi và cam đoan sẽ chăm sóc chu đáo cho cháu cả về vật chất lẫn tinh thần.

- Về tài sản chung của anh C và chị S: Không có.

* Ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận được Đơn xin giành quyền nuôi con và Giấy ủy quyền của chị S cho bà Nguyễn Thị N (đơn và giấy ủy quyền ghi ngày 01/4/2021, ký tên chị S nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) do ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của chị Nguyễn Thị S gửi qua tổ chức bưu chính viễn thông từ bưu cục Chợ Tây, Thái Bình ngày 14/4/2021 cho Tòa án tỉnh Hà Nam, trong đơn có nội dung:

Ngày 06/5/2019 chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C và có 01 con chung là Nguyễn Lan C. Chị ở Việt Nam sinh cháu còn anh C thì làm việc ở Nhật Bản. Vì nhà chồng chị xây nhà nên nợ một khoản tiền khá lớn, tháng 3 năm 2020 chị quyết định gửi con cho bà nội trông nom chăm sóc với sự đồng ý của chồng và mẹ chồng. Chị đã quay trở lại Nhật Bản với mong muốn trả hết nợ cho gia đình. Tuy nhiên đến tháng 6 năm 2020 anh C xin ly hôn chị với lý do không còn tình cảm và không hợp nhưng chị không đồng ý vì trước đó không xảy ra mâu thuẫn gì và vì chị là người Công giáo (bên Công giáo không được phép ly hôn).

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan C, tuy nhiên việc ai là người trực tiếp nuôi dạy con thì anh chị chưa thỏa thuận. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan C. Nhưng do dịch bệnh, chị trả về Việt Nam được nên chị ủy quyền cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977 thay mặt chị chăm sóc cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa anh C và chị S; Về con chung giao cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lan Chi, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, Tòa án nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị S đang sinh sống ở Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết đơn ly hôn của anh Nguyễn Văn C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh C chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị S, không cung cấp địa chỉ của chị S ở Nhật Bản. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị S thông qua bố mẹ đẻ chị S, nhưng gia đình không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử xác định chị Nguyễn Thị S thuộc trường hợp cô tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận được Đơn xin giành quyền nuôi con và Giấy ủy quyền ký tên Nguyễn Thị S do ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của chị S gửi Tòa án qua tổ chức bưu chính viễn thông từ bưu cục Chợ Tây, Thái Bình. Hội đồng xét thấy: Chị S hiện đang lao động tại Nhật Bản, nhưng giấu địa chỉ; đơn xin giành quyền nuôi con và giấy ủy quyền của chị S không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do ông Thắng là bố chị S gửi từ Thái Bình đến Tòa án tỉnh Hà Nam, do vậy không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn ngày 26/3/2019 tại UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn vì anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tháng 3 năm 2020 chị S trở lại Nhật Bản làm việc. Tuy nhiên khi S Nhật Bản, anh C và chị S không gặp gỡ, không chung sống, không biết địa chỉ của nhau. Theo anh C trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do sự khác biệt về cách sống, không có sự gắn kết, chia sẻ, chị S có những lời lẽ, hành vi không phù hợp với vị trí vai trò của người con, người vợ trong gia đình nhà chồng. Anh C xác định anh và chị S đã được gia đình hai bên khuyên bảo, động viên nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân sau thời gian chung sống ngắn ngủi. Nay anh C xác định không thể tiếp tục đời sống vợ chồng cùng chị S, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S. Hội đồng xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh C với chị S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy chị S không có quan điểm về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị S không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử lý hôn cho anh C và chị S là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56, 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh C và chị S có một con chung là cháu Nguyễn Lan C, sinh ngày 08/10/2019, hiện cháu Chi đang ở cùng bà Dương Thị T. Khi ly hôn, anh C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi cho đến khi cháu trưởng thành, anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Như đã phân tích ở trên đơn xin giành quyền nuôi con của chị S là không có căn cứ chấp nhận. Xét thấy: Sau khi sinh cháu Lan Chi được 05 tháng, chị S đã xuất cảnh S Nhật Bản, cháu Lan Chi được bà Thắm là mẹ anh C trực tiếp nuôi dưỡng từ đó đến nay, hiện cháu phát triển bình thường, quá trình giải quyết vụ án bà Thắm đề nghị tiếp tục được chăm sóc cháu Lan Chi trong thời gian anh C đi lao động và cam đoan sẽ chăm sóc cháu chu đáo cả vật chất lẫn tinh thần. Do vậy cần tiếp tục giao cháu Lan Chi cho anh C nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu vì cháu đang ở ổn định với mẹ đẻ anh C là bà Dương Thị T, do anh C đang lao động tại Nhật Bản nên chấp nhận đề nghị của anh C, tạm giao cháu Lan Chi cho mẹ đẻ anh C là bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, khi anh C về Việt Nam sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lan Chi, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và

gia đình. Khi về nước, chị S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh C và chị S trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung, không có công sức đóng góp, không nợ ai và cũng không có ai nợ anh và chị S, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì chị S đang ở Nhật Bản, không rõ địa chỉ, do đó khi chị S trở về Việt Nam mà phát sinh tranh chấp về quyền nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83, 121, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lan C, sinh ngày 08/10/2019 cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Chi trưởng thành, đủ 18 tuổi; do anh C đang lao động tại Nhật Bản nên chấp nhận đề nghị của anh C, tạm giao cháu Chi cho mẹ đẻ anh C là bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, khi anh C về Việt Nam sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị S có tranh chấp về con chung, tài sản chung, công nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005697 ngày 16/10/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Anh C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh C, chị S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thanh Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San